

Bản án số: **176/2017/DS-PT**
Ngày: 05-12-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: 1- Ông Huỳnh Đức Khải;

2- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2017/QĐPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Quốc Q, sinh năm 1970, theo văn bản ủy quyền ngày 27-4-2017. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bạch Sỹ C – Luật sư của Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn V (D), sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984, theo văn bản ủy quyền ngày 13-6-2017. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà NLQ1, sinh năm 1967. (vắng mặt)

3.2- Bà NLQ2, sinh năm 1937. (vắng mặt)

3.3- Ông NLQ3, sinh năm 1958. (vắng mặt)

3.4- Bà NLQ4, sinh năm 1961. (vắng mặt)

3.5- Bà NLQ5, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.6- Bà NLQ6, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.7- Bà NLQ7, sinh năm 1971. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984, theo văn bản ủy quyền ngày 13-6-2017.

3.8- Ông NLQ8, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.9- Ông NLQ9, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.10- Ông NLQ10, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

3.11- Bà NLQ11, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1- Ông NLC1, sinh năm 1933. (vắng mặt)

4.2- Ông NLC2, sinh năm 1971. (vắng mặt)

4.3- Ông NLC3, sinh năm 1970. (vắng mặt)

4.4- Ông NLC4, sinh năm 1962. (vắng mặt)

4.5- Ông NLC5, sinh năm 1962. (vắng mặt)

4.6- Ông NLC6, sinh năm 1948. (vắng mặt)

4.7- Ông NLC7, sinh năm 1968. (vắng mặt)

4.8- Ông NLC8, sinh năm 1949. (vắng mặt)

4.9- Ông NLC9, sinh năm 1966. (vắng mặt)

4.10- Ông NLC10, sinh năm 1940. (vắng mặt)

4.11- Ông NLC11, sinh năm 1950. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Ngô Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông Ngô Minh T khởi kiện trình bày:* Trước đây ông ngoại ông là ông Đỗ Quốc L để phân đất cho mẹ ông. Vào năm 1979 cha mẹ ông cho ông phân đất thổ cư và đất vườn (đã có bờ bao và trồng cây trám bầu để phân chia ranh giới với đất của các hộ dân khác) với tổng diện tích 6.410m², thửa số 60, tờ bản đồ số 07 và ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Ông sử dụng xuyên suốt cho đến khi Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Biên (nay là Phường 3) động viên ông chuyển nhượng lại để xây dựng trường cấp 2 đạt chuẩn, nhưng do thay đổi kế hoạch không xây dựng trường mà thành lập chợ Vĩnh Biên và ông đã chuyển nhượng cho Ủy ban nhân dân phường 3 thửa 60 diện tích 4.738m² với số tiền là 94.760.000đ và đồng thời ông cũng hiến cho Ủy ban nhân dân xã phần đất không rõ diện tích là bao nhiêu. Ủy ban nhân dân xã có ông Đ, ông T2 và ông V2 ký xác nhận cho ông là có chừa lại bờ bao là 03m x dài 60m cho 02 chị ông là bà Ngô Thị B và bà Ngô Thị A. Bà B và bà A mua đất của bà nội ông V. Đến ngày 30-3-2005 cán bộ địa chính xã Vĩnh Biên cũ là ông Lại Việt T2 có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để tách phần diện tích chuyển nhượng và phân đất hiến trả để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng mới lại cho ông gồm 02 giấy chứng nhận mới: diện tích 922m², thửa số 60, tờ bản đồ số 07 cấp ngày 20-10-2005 và diện tích 181m², thửa số 1092, tờ bản đồ số 07 cấp ngày 09-5-2005. Trong năm 2013, thì ông Huỳnh Văn V thuê sáng cuộc phần đất cặp ranh với bờ bao của ông thuộc thửa số 60 và quảng đất lên chiếm hết bờ bao của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn V, bà NLQ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích ngang 03m x dài 60m, thuộc thửa số 1092 mới (thửa 60 cũ), tờ bản đồ 07, tọa lạc tại Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng cho ông.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày:* Đất này trước đây là của ông nội ông tên Huỳnh Trung T3 (bờ này dài hơn 200m) có trước năm 1945. Đến năm 1976 ông nội ông để lại cho cha ông là Huỳnh Văn Q. Khi cha ông mất vào năm 2011 để lại cho ông, trong đó có phần bờ đề bao tranh chấp có chiều dài khoảng 200m, chiều ngang 03m. Việc cho tặng không có giấy tờ, đất hiện nay ông cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2013, ông có thuê sáng cuộc để trồng cây ăn trái, lúc này bà Tư B, ông T cũng có chứng kiến và không phản đối. Ông không đồng ý yêu cầu của ông T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 trình bày:* Tôi thống nhất với lời trình bày của chồng tôi là ông Huỳnh Văn V.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ10 trình bày:* Phần chái nhà trên phần đất tranh chấp trước đây ông có hỏi ông Huỳnh Văn V cho cất nhờ, sau này bà Võ Thị E vợ ông T nói là đất của bà E nhưng bà E vẫn cho ông cất. Ông xây dựng nền xi măng ngang 4m x dài 03m vào năm 2013. Nguồn gốc đất của ai thì ông không biết. Sau này Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp cho ai nếu người đó có yêu cầu thì ông sẽ tự nguyện tháo dỡ tài sản trả lại cho người đó vì ông chỉ xây dựng tạm để làm nơi rửa chén.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ11 trình bày:* Bà xây dựng nền xi măng ngang 4m x dài 3m khoảng 4-5 tháng nay, khi xây dựng thì bà có hỏi xin ông V xây để làm nơi rửa chén và nuôi gà. Theo bà biết nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha ông V và khi bà đến đây sinh sống thì bà thấy ông V trồng chuối. Sau này, Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp cho ai nếu người đó có yêu cầu thì bà sẽ tự nguyện tháo dỡ tài sản trả lại cho người đó vì bà chỉ xây dựng tạm.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 đã quyết định như sau:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 165, Khoản 1 Điều 227, Khoản 2 Điều 229, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật đất đai năm 2013 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 12 và Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn V, bà NLQ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 183m², tọa lạc tại Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có tuyên vị trí tứ cận và sơ đồ đất kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Các ngày 24, 28/4/2017, nguyên đơn ông Ngô Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông V trả cho ông phần đất ngang 03m x dài 61m tại Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ nguyên đơn trình bày: theo biên bản của cán bộ địa chính xã và những người sống lân cận đều xác nhận phần đất tranh chấp của ông T. Việc cấp giấy cho ông T do cán bộ địa chính thực hiện sau khi ông T hiến đất nên khi nhận lại giấy thì ông T cứ nghĩ phần đất tranh chấp là thửa 1092. Các nhân chứng do bị đơn yêu cầu là không có đủ độ tin cậy vì những người này không sống tại địa phương. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N trả lời là không xác định được thửa đất số 1092 là không chính xác, vì việc cấp giấy chứng nhận là trách nhiệm của Cơ quan Nhà nước, cấp không đúng vị trí, trong khi ông V chưa được cấp giấy, nên không có cơ sở xác định phần đất tranh chấp của ông V. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, công nhận đất tranh chấp cho ông T.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà NLQ8, NLQ11, NLQ9, NLQ10 và người làm chứng các ông NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC6, NLC7, NLC8, NLC9, NLC10, NLC11 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều

296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự và người làm chứng trên.

[2] Về nội dung vụ án: Các đương sự thống nhất thừa nhận diện tích đất tranh chấp là 183m², tọa lạc tại Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bờ đê còn lại có số đo là 03m;
- Hướng Tây giáp đất dự phòng của chợ Phường 3 có số đo 03m;
- Hướng Nam giáp phần đất của ông Huỳnh Văn V, bà Ngô Thị A, ông Lê Văn H, bà Ngô Thị B có số đo 61m;
- Hướng Bắc giáp đất chợ Phường 3, ông Nguyễn Minh C, ông Tiêu Q, ông Trần Việt T4 có số đo 61m;

Nguyên đơn ông T cho rằng diện tích đất tranh chấp trên nằm trong thửa 1092, tờ bản đồ số 07 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã N cấp cho ông vào ngày 09/5/2005, đây là đất được tách ra từ thửa đất số 60 cũ của ông, do khi chuyển nhượng và hiến đất cho Nhà nước, ông chưa lại làm đường đi cho gia đình chị của ông, nên yêu cầu đòi ông V trả lại phần đất trên. Bị đơn ông V thì cho rằng ông T chuyển nhượng và hiến đất cho Nhà nước đã chuyển nhượng hết đất mà không có chưa lại, phần đất tranh chấp là của cha ông V là ông Huỳnh Văn Q sử dụng, trước đây có trồng một số cây như trâm bầu, so đũa... để lại cho ông V đến nay. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T kháng cáo.

[2.1] Xét kháng cáo của ông T cho rằng khi ông chuyển nhượng và hiến đất cho Nhà nước thì có chưa lại ngang 03m x dài 60m nằm trong thửa 1092 làm đường đi cho nhà chị của ông, có sự chứng kiến của ông Đ, ông NLC4, ông T2, ông NLC2 và ở địa phương có nhiều người biết như ông NLC7, ông NLC5, ông NLC9, ông NLC8, ông NLC6, ông Đỗ Văn N, ông Đỗ Văn A2.

Nhận thấy, cùng vị trí đất tranh chấp diện tích 183m² tại khóm Vĩnh Tiền nhưng những người làm chứng sống gần khu vực đó lại trình bày mâu thuẫn với nhau. Như ông NLC2, NLC4, NLC5, ông NLC6, NLC7, NLC8, ông Đ thì cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà ông T để lại. Còn người làm chứng ông NLC3, NLC10, NLC11, NLC1 thì xác định phần đất tranh chấp là cha ông V để lại cho ông V sử dụng (bút lục 164-196). Do thực tế những người làm chứng trên cũng không trực tiếp chứng kiến việc ông T đo đạc chưa lại đường đi diện tích ngang 03m x dài 60m như ông T trình bày mà họ chỉ nghe nói lại hay biết ông T nói có chưa lại đường đi cho hai chị của ông T khi đi đo đạc đất ông T chuyển nhượng và hiến cho Nhà nước thời điểm năm 2004-2005, nên một số người làm chứng trình bày chỉ biết ông T có chưa lại đường đi cho hai chị của ông nhưng họ không xác định được diện tích chưa lại cụ thể là bao nhiêu, ở vị trí nào (bút lục 164, 165, 176, 177, 181, 182, 184, 185, 190, 191). Tại Tòa án cấp phúc thẩm ông T có cung cấp Biên ngày đo đạc 7/4/2005, nội dung thể hiện “sau khi đo đạc ông Ngô Minh T có chưa lại đường đi ra sau là ngang 3m dài 60m = 180m² (nằm trong phần đất của ông)” do ông Võ Hoàng V ghi biên bản, ông Lại Việt T2 ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Biên. Trong khi đó, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông T cung cấp Biên bản đo đạc ngày 8/4/2005, nội dung thể hiện “sau khi đo đạc ông Ngô Minh T có chưa lại đường đi ra sau là ngang 2m dài 18m (nằm trong phần đất của ông)”, do ông Lại Việt T2 ghi biên bản, ông Võ Hoàng V ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Biên (bút lục số 90). Qua xác minh ông Lại

Việt T2 (biên bản lấy khai ngày 15-8-2017) và ông Võ Hoàng V (biên bản lấy khai ngày 14-8-2017) thì ông T2, ông V2 cho rằng có ký tên vào các biên bản đo đạc trên về việc ông T chưa lại đường đi cho chị gái của ông T, có 02 biên bản đo đạc trên là do ban đầu ngày 7-4-2005 ông T nói chưa lại 03m x 60m nhưng ngày sau đó thay đổi ý kiến nên lập lại biên bản ngày 8-4-2005 chưa lại 02m x 18m. Còn phần đất ông T chưa lại này có phải là phần đất tranh chấp có vị trí theo kết quả đo đạc hiện nay hay không thì ông T2, ông V2 không nhớ. Đồng thời ông Lại Việt T2 cũng không xác định được thửa đất số 1092 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông T thực tế hiện nay là ở đâu.

Như vậy, các biên bản đo đạc trên không ghi vị trí cụ thể phần đất ông T chưa lại đó là thuộc thửa đất nào, ở vị trí ở đâu, biên bản còn ghi số liệu mâu thuẫn nhau, lúc thì chưa *ngang 3m dài 60m*, sau này thì chưa *ngang 2m dài 18m*. Biên bản trên còn ghi *“[...] ông Ngô Minh T có chưa đường đi [...] (nằm trong phần đất của ông)”* nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như Tòa án cấp phúc thẩm thì phần đất tranh chấp diện tích là 183m² trên thuộc một phần thửa 166 (do bà Ngô Thị B đứng tên) và một phần thửa 167 (của ông Huỳnh Văn V sử dụng) mà không nằm trong thửa 60 hay thửa đất số 1092 của ông T hay có cạnh nào giáp với đất của ông T. Qua đó thể hiện thực tế sau khi chuyển nhượng và hiến đất cho Ủy ban nhân dân Phường 3 thời điểm năm 2004-2005 thì ông T không còn đất ở vị trí này.

Xét thấy, yêu cầu của ông T đòi lại diện tích đất 03m x 60m cũng như lời trình bày của những người làm chứng lại mâu thuẫn với các tờ Biên bản đo đạc ngày 7/4/2005 và Biên bản đo đạc ngày 8/4/2005 mà phía ông T cung cấp tại Tòa án về diện tích, vị trí đất ông T chưa lại, nên không có đủ cơ sở xác định vị trí đất ông T nói chưa lại làm đường đi cho hai chị của ông là vị trí đất tranh chấp hiện nay.

[2.2] Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đo đạc, thẩm định tại chỗ đất tranh chấp và xác định phần đất tranh chấp có nằm trong thửa 1092 hay không và thửa đất số 1092 nằm ở vị trí nào.

Nhận thấy, qua xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại đất ngày 14-7-2017 thì phần đất tranh chấp có diện tích 182,55m² là không thay đổi nhiều so với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện.

Tại Công văn số 497/CV-TNMT ngày 24/11/2015, Công văn số 165/CV-TNMT ngày 26/4/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N (được Ủy ban nhân dân thị xã N giao) đã xác định *“Phần đất các bên đang tranh chấp [...] không thuộc thửa đất số 1092, tờ bản đồ số 07 đã cấp cho ông Ngô Minh T. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1092, tờ bản đồ số 07, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp kênh thủy lợi (cống từng bẫy); Hướng Tây giáp phần đất Trường Trung học cơ sở Vĩnh Biên (Thửa 1089); Hướng Nam giáp phần đất ông Ngô Minh T (thửa 60); Hướng Bắc giáp phần đất Trường Trung học cơ sở Vĩnh Biên (Thửa 1089).*

Thửa đất số 60 ông T còn sử dụng là 556,5m², phần đất tranh chấp không thuộc thửa 60 tờ bản đồ số 07 đã cấp cho ông Ngô Minh T.

Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp Vĩnh Tiền, xã Vĩnh Biên (nay là Khóm V, phường B) do ông Ngô Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên sơ đồ và chính lý tác nghiệp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T không thể hiện có chưa phần đất ngang 03 x dài 60m.

Phần đất tranh chấp hiện nay thuộc một phần thửa 166 và một phần thửa 167, tờ bản đồ số 07. Thửa 166 do bà Ngô Thị B đứng tên trong sổ mục kê và bà B đã được

cấp GCN. Thửa 167 trên sổ mục kê không thể hiện tên, có diện tích 950m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, hiện nay do ông Huỳnh Văn V đang sử dụng, diện tích đo đạc thực tế 1.086,6m²” (bút lục 198, 202, 204a).

Như vậy, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N cũng xác định phần đất tranh chấp không nằm trong thửa 1092 cũng không nằm trong diện tích còn lại trong thửa đất số 60 của ông T, mà phần đất tranh chấp hiện nay một phần nằm trong thửa 166 và một phần nằm trong thửa đất số 167. Còn thửa đất số 1092 cấp cho ông T tại thời điểm cấp thì có tứ cận cụ thể nhưng hiện nay thì hiện trạng thửa đất số 1092 không còn, do đã lập kênh thủy lợi và xây dựng chợ Phường 3 (bút lục số 111b).

Xét thấy, ông T cho rằng khi ông chuyển nhượng và hiến đất để xây chợ thì có chừa lại bờ bao là 03m x dài 60m cho 02 chị ông là bà Ngô Thị B và bà Ngô Thị A trong thửa đất số 1092 của ông được cấp giấy chứng nhận, nhưng thực tế hiện nay phần đất tranh chấp trên không nằm trong thửa đất số 1092 mà nằm một phần trong đất của bà B và một phần trong đất của ông V. Còn thửa đất số 1092 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp cho ông T ngày 09/5/2005 thì hiện trạng hiện nay không còn nên không xác định được. Ngoài ra ông T cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông có chừa lại 03m x dài 60m ở vị trí đất tranh chấp là đất của ông. Do trong vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập gì khác, nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại và có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Xét trình bày của Luật sư bảo vệ nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Án phí phúc thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí phúc thẩm cho nguyên đơn. Xét thấy, ông Ngô Minh T là *người cao tuổi* thuộc trường hợp được *miễn nộp tiền tạm ứng án phí* theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326, Hội đồng xét xử *miễn nộp tiền án phí phúc thẩm* cho ông Ngô Minh T.

[3.2] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 6.000.000đ: Do yêu cầu kháng cáo của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Minh T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn V, bà NLQ1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 183m², tọa lạc tại Khóm V, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận:

- *Hướng Đông giáp phần đất bờ đê còn lại có số đo là 03m;*
- *Hướng Tây giáp đất dự phòng của chợ Phường 3 có số đo 03m;*
- *Hướng Nam giáp phần đất của ông Huỳnh Văn V, bà Ngô Thị A, ông Lê Văn H, bà Ngô Thị B có số đo 61m;*
- *Hướng Bắc giáp đất chợ Phường 3, ông Nguyễn Minh C, ông Tiêu Q, ông Trần Việt T4 có số đo 61m;*

(kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 4-9-2015)

Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Ngô Minh T phải chịu số tiền 2.000.000đ. Ông T đã nộp đủ số tiền này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Minh T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006054, ngày 21/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm ông Ngô Minh T được miễn nộp.

3/. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ngô Minh T phải chịu số tiền 6.000.000đ, ông T đã nộp đủ số tiền này.

4/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THA.DS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Rết